

Số: 180/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất**  
**tại một số khu vực trên địa bàn huyện Sơn Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

Căn cứ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sửa đổi, bổ sung quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Dương;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 107/TTr-STC ngày 01/4/2022 về việc kết quả kiểm tra, xác định và đề xuất giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất với khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tại phiên đấu giá đợt 1 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại một số khu vực trên địa bàn huyện Sơn Dương, cụ thể như sau:

| TT   | Lô đất đề nghị đấu giá khởi điểm   | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Loại đường (Khu vực)  | Vị trí     | Đơn giá đất theo liên cơ quan đề nghị (đồng/m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm đề nghị bán đấu giá (đồng/lô) |
|--|--|-----------------------------|---|------------|--|---|
| A  | B  | I                           | 2   | 3          | 4  | 5 = Ix4                                     |
| A  | <b>Giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất: Lâu dài</b>     |                             |   |            |  |   |
| <b>I. Khu dân cư thôn Lũng Khu, xã Sơn Nam</b> |  |                             |   |            |  |   |
| 1  | Lô số 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91                                       | 125                         | Đất ở nông thôn các vị trí ven trục giao thông chính: Quốc lộ 2C “Từ UBND xã Sơn Nam đến hết Cầu Bâm, xã Sơn Nam (về phía Vĩnh Phúc)” |            | 11.200.000   | 1.400.000.000                               |
| 2  | Lô số 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117 | 125                         |   | 11.600.000 | 1.450.000.000  |   |
| 3  | Lô số 92   | 162,5                       |   | 11.200.000 | 1.820.000.000  |   |
| 4  | Lô số 96, 97, 98, 99, 100, 101   | 175                         |   | 10.400.000 | 1.820.000.000  |   |
| 5  | Lô số 102, 103   | 212,5                       |   | 10.823.500 | 2.300.000.000  |   |

| TT   | Lô đất đề nghị đấu giá khởi điểm   | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Loại đường (Khu vực)  | Vị trí | Đơn giá đất theo liên cơ quan đề nghị (đồng/m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm đề nghị bán đấu giá (đồng/lô) |
|--|--|-----------------------------|---|--------|--|---|
| A  | B  | I                           | 2   | 3      | 4  | 5 = Ix4                                     |
| <b>II. Khu dân cư Ninh Bình, Ninh Thuận, xã Ninh Lai</b>   |  |                             |   |        |  |   |
|  | Lô số 21   | 250                         | Đất ở nông thôn các vị trí còn lại: Khu vực 2, vị trí 1   |        | 7.200.000  | 1.800.000.000                               |
| <b>III. Khu dân cư Tổ dân phố Tân Phú, thị trấn Sơn Dương</b>                                      |  |                             |   |        |  |   |
|  | Lô số 30, 31   | 100                         | Đất ở đô thị: Đường loại II, vị trí 1: Đoạn từ Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề đến cây xăng Trạm Vận tải: “Đất liền cạnh đường phố (mặt tiền)”                    |        | 18.900.000   | 1.890.000.000                               |
| <b>IV. Khu dân cư thôn Lương Thiện, xã Trường Sinh (xã Sầm Dương cũ)</b>                           |  |                             |   |        |  |   |
|  | Lô số 22, 23, 24, 25, 31   | 324                         | Khu vực 1, vị trí 2   |        | 432.000  | 140.000.000                                 |
| <b>V. Khu dân cư và chợ xã Tú Thịnh</b>  |  |                             |   |        |  |   |
|  | Lô số 33, 34, 43, 44, 45   | 125                         | Đất ở nông thôn các vị trí còn lại: Khu vực 2, vị trí 1: “Các vị trí còn lại của các thôn: Tân Hồng; Cầu Quát; Cầu Bì; Hưng Thịnh; Đa Năng; Ngãi Thắng, Tân Bình” |        | 2.800.000  | 350.000.000                                 |
|  | Lô số 46   | 162                         |   |        | 2.160.000  | 350.000.000                                 |
| B  | <b>Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn sử dụng đất: 50 năm</b> |                             |   |        |  |   |
| <b>I. Khu thương mại dịch vụ thuộc khu dân cư Tổ dân phố Cơ Quan, Tân Bắc, thị trấn Sơn Dương.</b> |  |                             |   |        |  |   |
|  | Lô TMDV số 03  | 771                         | Đường loại 1, vị trí 2  |        | 9.468.223  | 7.300.000.000                               |

**Điều 2.** Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, các cơ quan liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, ĐC, TC (Điệp 20).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**